

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY AN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HSST

Ngày: 22/9/2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Diễm Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Trung và bà Phạm Thị Thùy Lê

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2021/HSST ngày 01 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1/ Nguyễn Đăng H** (Tên gọi khác: Đ), sinh năm 1979, tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Nông. Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn C (chết) và bà Võ Thị V, sinh năm 1941. Vợ: Đặng Thị L, sinh năm 1987; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

**2/ Nguyễn Văn Đ** (Tên gọi khác: F), sinh năm 1976, tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Nông. Trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn C (chết) và bà Võ Thị V, sinh năm 1941. Vợ: Phan Thị M, sinh năm 1980; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

**3/ Nguyễn Văn L**, sinh năm 1974, tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Nông. Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn C (chết) và bà Võ Thị V, sinh năm 1941. Vợ: Nguyễn Thị Thanh N, sinh

năm 1975; Có 01 con, sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

\* *Bị hại:* Bà Đinh Thị Kim Đ- sinh năm 1960; Trú tại: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

\* *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại Đinh Thị Kim Đ:* Ông Lưu Ngọc C - Luật sư Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: 01 N, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

\* *Người làm chứng:*

- Bà Võ Thị V, sinh năm 1941; Có mặt.
- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; Có mặt.
- Chị Đặng Thị N, sinh năm 1988; Có mặt.
- Ông Nguyễn Diệu N, sinh năm 1956; Có mặt.

Đều trú tại: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn trong việc tranh chấp nương nước nên vào khoảng 12 giờ ngày 04 tháng 10 năm 2020 tại Thôn T, xã A, huyện T giữa bà Đinh Thị Kim Đ và Nguyễn Đăng H cãi nhau qua lại nên bà Đ đi qua sân nhà H tiếp tục kình cãi, nghe tiếng cãi nhau nên Nguyễn Văn Đ là anh ruột của H nhà ở cạnh bên đi đến thấy H và bà Đ đang giằng co. Sau đó, H, Đ dùng tay kéo bà Đ vô nhà H rồi tiếp tục giằng co qua lại và làm rơi vỡ một số đồ vật trên tủ thờ nên H và Đăng đề, giữ người không chế bà Đ.

Lúc này, Nguyễn Văn L là anh trai của Đ và H đi đến xem thì H nhờ L lấy dây để trói bà Đ, L đồng ý đi lấy sợi dây thừng đưa cho H. Đ giữ bà Đ, H tháo dây thừng làm hai đoạn rồi cột tay, chân của bà Đ vào chân bàn và ghế sa lông, L đứng xem H trói bà Đ. Sau đó, L về nhà, Đ đi đến ngồi trên ghế sát bàn thờ, vì còn bức tức nên H đẩy cây đèn thau bằng đồng và lật ghế gỗ đẩy trúng vào vùng mắt phải, đầu bà Đ gây thương tích. Khoảng 30 phút sau, Công an xã A đến làm việc, cởi dây trói cho bà Đ.

Tại Kết luận giám định pháp y số 337/TgT ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Trung tâm pháp y kết luận: Thương tích của Đinh Thị Kim Đ là 09%, do vật có cạnh gây ra.

Ngày 29/3/2021, bà Đ làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Vật chứng vụ án: 02 sợi dây thừng; 01 cây đèn thau; 01 cái ghế gỗ.

Về dân sự: Bị hại bà Đinh Thị Kim Đ yêu cầu bị cáo Nguyễn Đăng H bồi thường 60.622.074đ, Nguyễn Đăng H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T số tiền 13.000.000đ để bồi thường thiệt hại cho bà Đ.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSTA ngày 28/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An truy tố các bị cáo Nguyễn Đăng H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L về tội Bắt, giữ người trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự (BLHS). Ngoài ra, còn truy tố Nguyễn Đăng H về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã nêu; Bị cáo H trình bày chỉ vì bức tức bà Đ chửi bới, đòi dỡ bàn thờ của cha mình nên đã thực hiện việc bắt giữ và gây thương tích bà Đ; các bị cáo Đ, L thừa nhận khi thấy em trai là bị cáo H kéo bà Đ vào nhà thì đã giúp sức cho H thực hiện hành vi bắt giữ bà Đ. Riêng bị cáo L chỉ giúp sức lấy dây thừng cho H trói bà Đ, sau đó đi về nhà. Tất cả các bị cáo đều thừa nhận hành vi của các bị cáo đã phạm tội, Viện kiểm sát truy tố là đúng, không oan gì cho các bị cáo, các bị cáo nhận thấy có lỗi, ăn năn, hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Đăng H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự số tiền 13.000.000đ để bồi thường cho bị hại. Nay tại Tòa bị cáo tiếp tục bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của bị hại là 47.622.074đ.

+ Người bị hại bà Đinh Thị Kim Đ thừa nhận nội dung cáo trạng viện dẫn đối với hành vi bắt giữ người trái pháp luật của các bị cáo là đúng, giữa bà và các bị cáo có quan hệ họ hàng thân thích, tuy nhiên chỉ vì tranh chấp nương nước nên giữa hai bên gia đình xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc các bị cáo có hành vi bắt giữ bà trái pháp luật; Nay bà Đ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Đăng H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L về tội bắt, giữ người trái pháp luật.

Riêng đối với hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo Nguyễn Đăng H, bà Đ có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Nguyễn Đăng H về tội Cố ý gây thương tích. Bà Đ thừa nhận việc bà rút đơn khởi tố đối với bị cáo Nguyễn Đăng H về tội cố ý gây thương tích là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án đối với bị cáo H về tội Cố ý gây thương tích.

Về phần dân sự, bị hại bà Đ yêu cầu bị cáo H bồi thường các khoản theo đơn yêu cầu với số tiền 60.622.074đ do sức khỏe bị xâm phạm; Không yêu cầu bị cáo Đ, bị cáo L bồi thường. Bị cáo H đã nộp bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T số tiền 13.000.000đ; Tại phiên tòa hôm nay, bà Đ yêu cầu bị cáo H tiếp tục bồi thường số tiền còn lại và bà Đ thừa nhận bị cáo H đã trực tiếp bồi thường cho bà số tiền 47.622.074đ theo yêu cầu, bà Đ không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố phát biểu luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đối với các bị cáo Nguyễn Đăng H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L về tội Bắt giữ người trái pháp luật.

Rút một phần quyết định truy tố về tội Cố ý gây thương tích đối với bị cáo Nguyễn Đăng H do bị hại đã rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L phạm tội Bắt giữ người trái pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng H từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ. Đề nghị xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn L. Đề nghị xử phạt Nguyễn Văn L từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập vì bị cáo L làm nông, có thu nhập không ổn định.

Giao các bị cáo Nguyễn Đăng H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục; Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

- Áp dụng Điều 155; Điều 282; Điều 319 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) đề nghị HĐXX đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Đăng H về tội Cố ý gây thương tích.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo H và bị hại Đ đã tự nguyện thỏa thuận bị cáo H bồi thường theo yêu cầu của bị hại là 60.622.074đ, đã giao nhận tiền đủ nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Đối với thiệt hại tài sản của gia đình bị cáo H không chứng minh được ai là người trực tiếp gây ra, bị cáo H không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu tiêu hủy: 02 sợi dây thừng; 01 cây đèn thau; 01 cái ghế gỗ.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại và bị hại thống nhất quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc rút một phần quyết định truy tố về tội Cố ý gây thương tích do bị hại tại phiên tòa rút đơn yêu cầu khởi tố, đề nghị HĐXX đình chỉ vụ án đối với bị cáo H về tội Cố ý gây thương tích. Thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo về tội Bắt, giữ người trái pháp luật.

Trong phần đối đáp, không phát sinh tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt vì do học vấn thấp, suy nghĩ nông cạn nên mới thực hiện hành vi phạm tội, mong Tòa xem xét cho các bị cáo. Bị hại xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi Cố ý gây thương tích của bị cáo Nguyễn Đăng H: Tại phiên tòa, bị hại bà Đinh Thị Kim Đ đã có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo, việc bà Đ rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Xét việc rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại là hoàn toàn tự nguyện và BLTTHS năm 2015 không giới hạn về thời điểm mà người đã yêu cầu khởi tố vụ án rút yêu cầu. Do đó, việc rút yêu cầu khởi tố của người bị hại là phù hợp, nên chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên áp dụng khoản 2 Điều 155 và

Điều 282 BLTTHS để đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Đăng H về tội cố ý gây thương tích.

[3] Đối với hành vi bắt, giữ người trái pháp luật: Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi các bị cáo đã thực hiện, nên đủ cơ sở kết luận: Do mâu thuẫn trong việc tranh chấp nương nước, khoảng 12 giờ ngày 04/10/2020 tại nhà của Nguyễn Đăng H thuộc thôn T, xã A, huyện T; Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L có hành vi giúp sức cho Nguyễn Đăng H không chế, đè giữ, dùng dây thừng cột tay, chân bà Đinh Thị Kim Đ vào chân bàn và ghế sa lông. Sau khi bắt trói bà Đ, Nguyễn Đăng H, Nguyễn Văn Đ tiếp tục giữ bà Đ trong khoảng thời gian 30 phút cho đến khi lực lượng công an xã A đến làm việc và mở dây trói cho bà Đ.

Nguyễn Văn L có hành vi giúp sức cho H bắt trói bà Đ khi tiếp nhận ý chỉ của H lấy dây thừng đưa cho H trói tay chân bà Đ, rồi bỏ đi về nhà mình. Sự việc xảy ra sau đó, bị cáo L không tham gia. Hành vi của bị cáo L chỉ cấu thành tội bắt người trái pháp luật. Bản thân bị cáo L không có hành vi giữ cũng như không giúp sức cho bị cáo H, Đ trong việc giữ bị hại trong khoảng thời gian 30 phút. Do đó, việc Viện kiểm sát truy tố hành vi giữ người trái pháp luật đối với bị cáo L là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Các bị cáo Nguyễn Đăng H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L không có quyền bắt người nhưng đã bắt trói bà Đ; Nguyễn Đăng H, Nguyễn Văn Đ không có quyền giữ người nhưng đã giữ bà Đ từ khoảng 12 giờ 00 phút đến 12 giờ 30 phút là các hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền tự do thân thể của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đăng H, Nguyễn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; Hành vi của Nguyễn Văn L đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 BLHS.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do, sức khỏe của con người một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội ở địa phương. Các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ bắt giữ người trong trường hợp này là vi phạm pháp luật. Nhưng vì lý do mâu thuẫn nhỏ về tranh chấp nương nước và cho rằng bị hại có lời lẽ xúc phạm đến ông bà tổ tiên, mà các bị cáo thống nhất bắt giữ bị hại để dần mặt cho

thỏa mãn cơn tức giận. Vì vậy, cần xét xử các bị cáo mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo gây ra để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm nhưng không có tổ chức do hành vi của các bị cáo chỉ bộc phát nhất thời và không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể trước khi phạm tội. Nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, để cá thể hóa hình phạt cần xem xét vai trò, tính chất, mức độ tham gia, nhân thân của từng bị cáo trong vụ án để có mức hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo đã gây ra.

Đối với Nguyễn Đăng H là người thực hành tích cực trong vụ án, là người trực tiếp khống chế, kéo bà Đ vào nhà, đè, trói tay chân và bắt giữ bị hại nên mức hình phạt của bị cáo cao hơn bị cáo khác. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã nộp 13.000.000đ để bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, tại phiên tòa tiếp tục bồi thường số tiền 47.622.074đ, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, tuy không có mâu thuẫn từ trước với bà Đ, nhưng khi thấy em ruột là bị cáo H giằng co, kéo bà Đ vào nhà nên đã cùng tham gia đè, giữ và tìm dây thừng để H bắt trói bà Đ. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là người giúp sức trong vụ án. Đối với Nguyễn Văn Đ là người tích cực hơn về hành vi bắt người trái pháp luật, đồng thời còn cùng với bị cáo H trực tiếp giữ người trái pháp luật nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo L ở hành vi này. Nguyễn Văn L thực hiện hành vi giúp sức trong việc bắt người, không tham gia giữ bà Đ nên vai trò của bị cáo L hạn chế hơn. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS cho các bị cáo.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, tính chất phạm tội có mức độ, hành vi phạm tội là bộc phát nhất thời, các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Vì vậy, HĐXX áp dụng Điều 65 BLHS, xử phạt tù

nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo H, bị cáo Đ; áp dụng hình phạt cải tạo không gian giữ đối với bị cáo L cũng cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét bị cáo L không có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập thấp, do vậy HĐXX không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại và bị hại tại phiên tòa về mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền theo yêu cầu của bị hại là 47.622.074đ, nên ghi nhận sự tự nguyện giữa các bên, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án: 02 sợi dây thừng; 01 cây đèn thau; 01 cái ghế gỗ; là các công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy;

[6] Đối với thiệt hại tài sản của gia đình bị cáo H, bị cáo H không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết

[7] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đăng H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; Bị cáo Nguyễn Đăng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Căn cứ:**

+ Khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đăng H;

+ Khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

+ Khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn L;

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đăng H, Nguyễn Văn Đ phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đăng H 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Đăng H, Nguyễn Văn Đ cho UBND xã A, huyện



T, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 06 (*sáu*) tháng cải tạo không giam giữ, Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã A trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo L.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 282 BLTTHS;

- Đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Đăng H về tội Cố ý gây thương tích.

4. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Nguyễn Đăng H cho người bị hại Đinh Thị Kim Đ số tiền 47.622.074đ (*Bốn mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi bốn đồng*). Bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Tuyên trả cho bị hại Đinh Thị Kim Đ số tiền 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) mà bị cáo Nguyễn Đăng H đã nộp bồi thường cho bị hại tại Biên lai thu tiền số 0001763 ngày 25/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

5. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sợi dây thừng màu trắng đỏ dài 189cm, đường kính 0,35cm, trên sợi dây thừng này có nhiều nút thắt; 01 (một) sợi dây thừng màu trắng dài 470cm, đường kính 0,5cm, trên sợi dây có nhiều nút thắt; 01 (một) cây đèn thau dùng để thờ cúng bằng kim loại màu vàng cao 46,5cm,

trong đó đế dạng hình nón cao 9,5cm, đường kính đáy 21cm, đường kính chóp nón 5cm; có 02 thân hình trụ tính từ dưới lên: thân 1 cao 16cm, đường kính 6,1cm; thân 2 cao 21cm, đường kính 8,4cm, điểm nối giữa 2 thân có 1 đĩa tròn đường kính 27,3cm; 01 ghế gỗ cao 78,5cm, rộng 38,5cm, sâu 37,5, ghế có lưng tựa cao 37cm, rộng 35,5cm, bề mặt ghế cách mặt đất 42,5cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/6/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đăng H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Đăng H phải nộp 2.381.103đ (*Hai triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn một trăm lẻ ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Phú Yên (1)
- VKSND huyện Tuy An (1)
- VKSND tỉnh Phú Yên (1)
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tuy An (1)
- Sở Tư pháp (1)
- Chi cục THADS huyện T (1)
- Bị cáo (1)
- Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

**Trần Thị Diễm Huyền**